

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG HẢI ÂU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG HẢI ÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI AU MEDIA GROUP CORPORATION

Tên công ty viết tắt: HAI AU MEDIA GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0107612083

3. Ngày thành lập: 27/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 72 tổ dân phố Thượng, phố Miếu Đàm, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913102168

Fax:

Email: haiau@haiau.com

Website: haiau.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động phát thanh (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6010
2.	Hoạt động truyền hình (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6021
3.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet	6190
4.	Lập trình máy vi tính	6201
5.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
6.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
7.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

13.	Hoạt động xuất bản khác Chi tiết: Xuất bản catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác; Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác. (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5819
14.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
17.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
18.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
19.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
20.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Phá dỡ	4311
23.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa	4511
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4513
25.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	4520
26.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229

28.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5812
29.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5813
30.	Xuất bản phần mềm	5820
31.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
32.	Hoạt động hậu kỳ	5912
33.	Hoạt động chiếu phim	5914
34.	Cổng thông tin (loại nhà nước cho phép)	6312
35.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp thông tin trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội (loại nhà nước cho phép)	6329
36.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6492
37.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn quản lý kinh doanh	7020
38.	Đại lý du lịch	7911
39.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
40.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
43.	Điều hành tua du lịch	7912
44.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
45.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
47.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
48.	Hoạt động viễn thông có dây (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6110
49.	Hoạt động viễn thông không dây (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6120
50.	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310(Chính)
51.	In ấn	1811
52.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

53.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
54.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
55.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...	4649
60.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh...; Bán buôn thực phẩm chức năng (loại nhà nước cho phép)	4669
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
66.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
67.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
68.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5920
69.	Hoạt động thông tấn (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6321

70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán các thiết bị truyền thông	4610
72.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
74.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (loại nhà nước cho phép)	8299
76.	Giáo dục nghề nghiệp (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
77.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	2829
78.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	Số 45 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	80,000	B3332303	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	80,000		
2	NGUYỄN ĐỨC XUÂN	Số 45 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	10,000	013014636	
			Tổng số	15.000	150.000.000	10,000		
3	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Căn hộ R2.3109 nhà R2, chung cư Royal City, 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	10,000	013150166	
			Tổng số	15.000	150.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 24/09/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B3332303

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 45 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 45 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội